

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v tranh chấp: “hợp đồng vay”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm

2. Ông Trịnh Thế Phương Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST – DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “hợp đồng vay”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: 266-268 G, Phường H, Quận 3, thành phố F.

Đại diện theo pháp luật: Bà C – chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông D – chức vụ Giám đốc Chi nhánh Long An.

Địa chỉ: 319 K, khu phố M, Phường L, thành phố E, tỉnh Long An.

Ủy quyền lại cho: ông E, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 11/240/9 N, Phường O, thành phố E, tỉnh Long An.

2/ Bị đơn: Bà B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 1/5 Ô3 khu phố TH, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng A do ông E đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/5/2018 bà B và Ngân hàng A ký với nhau Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và Điều khoản điều kiện phát hành thẻ để Ngân

hàng cho bà B vay theo hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với lãi suất là 2.5% tháng, giải ngân 22/5/2018. Từ ngày 18/5/2018 đến khi chấm dứt quyền sử dụng thẻ ngày 22/5/2021, bà Huệ không thanh toán thêm. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Huệ thanh toán nợ gốc là 22.142.474 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày xét xử là 20.293.577 đồng, tổng cộng là 42.436.051 đồng.

Bị đơn bà B vắng mặt trong quá trình hòa giải, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai cho bà B biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A nhưng bà B không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của Ngân hàng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Riêng bà B không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt bà B không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và Điều khoản điều kiện phát hành thẻ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền đến ngày xét xử tổng cộng là 42.436.051 đồng, trong đó khoản nợ gốc là 22.142.474 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là 20.293.577 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng A và bà B ký với nhau Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và Điều khoản điều kiện phát hành thẻ ngày 18/5/2018. Nay **Ngân hàng A** khởi kiện yêu cầu thanh toán làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Do bà B có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Long An nên khi có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm – quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, **bà B** là bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên, **bà B** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với **bà B** là phù hợp với điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông E đại diện **Ngân hàng A** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của **Ngân hàng A**, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Ngày 18/5/2018 bà B và Ngân hàng A ký với nhau Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và Điều khoản điều kiện phát hành thẻ đề Ngân hàng cho bà B vay theo hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với lãi suất là

2.5% tháng, bắt đầu mở thẻ ngày 22/5/2018. Từ ngày 18/5/2018 đến khi chấm dứt quyền sử dụng thẻ ngày 22/5/2021 cũng là ngày thanh toán cuối cùng của bà B thì bà B không thanh toán thêm. Tính đến ngày 22/5/2021 nợ gốc là 22.142.474 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B vắng mặt. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an **thị trấn T huyện T tỉnh Long An xác** nhận bà B có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại 1/5 Ô 3 Khu phố TH, thị trấn T, huyện T tỉnh Long An. Toà án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, bà B đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng ngày 18/5/2018 buộc bà B trả số tiền vay gốc 22.142.474 đồng và tiền nợ lãi là 20.293.577 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có căn cứ.

[8] Về án phí: bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thanh toán theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 463, 466, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà B trả Ngân hàng A số tiền vay **gốc là 22.142.474 đồng và tiền lãi 20.293.577 đồng**, tổng cộng là 42.436.051 đồng (**Theo** Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng ngày 18/5/2018).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng A** cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: bà B phải chịu 2.121.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng A 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002889 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Ấn văn. Lưu;

Hồ Bảo Trâm